

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện
môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 về Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023,

QUYẾT NGHỊ:

Năm 2022, tình hình thế giới, trong nước diễn biến phức tạp hơn so với dự báo; khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế ngày càng tăng, tạo sức ép rất lớn lên quản lý, điều hành kinh tế vĩ mô, tác động lớn đến phục hồi, phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực và đời sống nhân dân. Tuy nhiên, tiếp tục kế thừa, phát huy những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử qua hơn 35 năm đổi mới và những kết quả toàn diện từ đầu nhiệm kỳ đến nay; dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; sự chung sức, đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân cả nước; sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực và đạt những kết quả quan trọng, đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Trong đó kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế đang trên đà phục hồi, các cân đối lớn được bảo đảm; kịp thời triển khai các giải pháp gia hạn, giảm một số loại thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, đồng thời tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài và giải quyết, ứng phó kịp thời những vấn đề mới phát sinh, bước đầu đạt được kết quả tích cực. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm chỉ tăng 3,15%; tăng trưởng GDP ước đạt 8,02%, quy mô GDP ước đạt khoảng 409 tỷ USD. Thu ngân sách nhà nước ước vượt 27,76% dự toán, tăng 14,12% so với năm 2021. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước tăng 11,2%. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 371,39 tỷ USD, tăng 10,6%; nền kinh tế ước xuất siêu 11,2 tỷ USD. Công tác điều hành giá, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là xăng, dầu, sách giáo khoa được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, sát sao, hiệu quả. Cân

đổi điện, xăng dầu, lương thực được bảo đảm, cơ bản xử lý được tình trạng thiếu hụt xăng, dầu cục bộ; cung ứng lao động cơ bản đáp ứng nhu cầu. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; trật tự, an toàn xã hội, độc lập chủ quyền được giữ vững; đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả tích cực; uy tín, vị thế của nước ta tiếp tục được nâng cao. Môi trường đầu tư, kinh doanh chuyên biến khá tích cực. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, lao động, việc làm đạt nhiều kết quả quan trọng, dịch bệnh được kiểm soát góp phần ổn định kinh tế - xã hội; đời sống nhân dân được cải thiện. Việt Nam tiếp tục là điểm đến đầu tư hấp dẫn và là nền kinh tế năng động, được nhiều tổ chức quốc tế nhìn nhận, xếp hạng cao trong năm 2022.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, nhanh chóng, khó đoán định. Cạnh tranh chiến lược các nước lớn, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại gay gắt hơn. Xung đột quân sự tại Ukraine còn có thể kéo dài. Hậu quả đại dịch Covid-19 trên toàn cầu còn phải khắc phục nhiều năm. Lạm phát tiếp tục ở mức cao, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ, tăng lãi suất kéo dài tại nhiều quốc gia. Nguy cơ mất thanh khoản, rủi ro, bất ổn về tài chính, tiền tệ, nợ công, bất động sản, an ninh năng lượng, lương thực, thông tin trên toàn cầu gia tăng. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế. Trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống của Việt Nam bị thu hẹp. Những tồn tại, hạn chế, bất cập từ nội tại nền kinh tế về cơ cấu kinh tế, năng lực sản xuất trong nước, các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tích tụ từ lâu chưa được xử lý dứt điểm; quy mô nền kinh tế nước ta còn khiêm tốn nhưng độ mở lại lớn, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài còn hạn chế; những yếu tố đột xuất, bất ngờ vẫn tiềm ẩn rủi ro, khó dự báo; dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn.

I. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương phải quyết tâm, giữ vững tinh thần vượt khó, đoàn kết, tự lực, tự cường, chủ động thích ứng, linh hoạt, hành động quyết liệt, khoa học, hiệu quả, tích cực đổi mới, sáng tạo theo tinh thần chủ đề điều hành **“Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”** với 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, gồm:

1. Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết chuyên đề, các Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó chú trọng 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu.

2. Tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, nhưng cũng không hoang mang, dao động; luôn bình tĩnh, tự tin, bản lĩnh, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, không ch 유연 trạng thái đột ngột, điều hành “giật cục”. Đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, chung sức, đồng lòng quyết tâm hành động cao nhất theo tinh thần “Tiền hô hậu ủng”, “Nhất hô bá ứng”, “Trên dưới đồng lòng”, “Dọc ngang thông suốt” để tạo nên sức mạnh tổng hợp, sự đồng tâm nhất trí của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình để “biến nguy thành cơ”, kiên quyết khắc phục khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

3. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo; chủ động đối với mọi tình huống, nhạy bén nắm bắt những diễn biến mới của tình hình, kịp thời, quyết liệt xử lý có hiệu quả các vấn đề, xây dựng các kịch bản, phương án linh hoạt, thích ứng với các vấn đề mới phát sinh. Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng và các chính sách khác; điều hành kịp thời các công cụ chính sách vĩ mô, tài khóa, tiền tệ để cân bằng hợp lý, hiệu quả giữa tỷ giá với lãi suất, giữa kiểm soát lạm phát với thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phù hợp với tình hình thực tiễn.

4. Đồng bộ, thống nhất và quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, vừa tập trung xử lý hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, các vấn đề tồn đọng kéo dài, vừa kịp thời ứng phó hiệu quả với những vấn đề cấp bách, bất ngờ phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn. Tăng cường hoàn thiện thể chế, chú trọng thực hiện tốt công tác truyền thông, phản ứng chính sách trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tập trung tháo gỡ khó khăn, có các giải pháp chính sách hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho sản xuất kinh doanh; làm việc nào dứt điểm việc đó, không để kéo dài, gây ách tắc, lãng phí nguồn lực; bảo đảm đồng bộ các mục tiêu trước mắt và lâu dài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

5. Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là người có công, hộ nghèo, các đối tượng yếu thế ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc.

6. Tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế; bảo đảm môi trường ổn định, hòa bình, hợp tác để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

a) Theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát, thị trường thế giới, trong nước, kịp thời dự báo, cảnh báo rủi ro để có đối sách phù hợp; thực hiện chính sách tiền tệ chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp hài hòa,

hợp lý, chặt chẽ với thực hiện chính sách tài khóa mở rộng có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác. Ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, nâng cao năng lực thích ứng, chống chịu, bảo đảm sự ổn định của hệ thống tài chính, ngân hàng trong mọi tình huống.

Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời theo quy định pháp luật; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính (TTHC) về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế, đặc biệt trong một số lĩnh vực, hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát sinh trong nền kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; chống chuyển giá, trốn thuế, quyết liệt thu hồi nợ thuế. Nghiên cứu tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí.

Siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong quản lý tài chính - ngân sách nhà nước; điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, hiệu quả; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách, chậm phân bổ, chậm triển khai; rà soát để sớm đưa các nguồn lực chưa khai thác hiệu quả vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ, an toàn, hợp lý bội chi ngân sách nhà nước; tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, ưu tiên chi đầu tư phát triển các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, thiết yếu, triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia. Kịp thời hướng dẫn để thực hiện đúng, đủ các chính sách điều chỉnh tăng lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng.

Chú trọng củng cố, tăng cường nền tảng kinh tế vĩ mô, nâng cao năng lực nội tại và tính tự chủ của nền kinh tế trên cơ sở lành mạnh hoá, tập trung cao độ cho ổn định, phát triển an toàn, bền vững các thị trường tiền tệ, tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản; không để mất an toàn hệ thống; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân, không để bị kích động, lôi kéo, gây mất an ninh trật tự. Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật, tăng cường giám sát, kiểm tra, đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các thị trường tiền tệ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng khoán, bất động sản, bảo đảm phát triển công khai, minh bạch, an toàn, ổn định, lành mạnh, bền vững.

b) Điều hành tăng trưởng tín dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Triển khai quyết liệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; đẩy mạnh xử lý nợ xấu; tập trung triển khai chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về việc cơ cấu lại, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, bảo đảm ổn định tình hình hoạt động và hỗ trợ các tổ chức tín dụng này từng bước phục hồi. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý đối với các tổ chức tín dụng; trong đó, tiếp tục khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí, ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh; tập trung chỉ đạo tổ chức tín dụng tăng cường minh bạch trong hoạt động, khắc

phục tình trạng sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định, rà soát, xử lý và ngăn ngừa tình trạng sở hữu chéo, cho vay không đúng quy định của pháp luật.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, bảo đảm thị trường tiền tệ, ngân hàng hoạt động an toàn, lành mạnh, thông suốt, bền vững. Nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cùng với việc sửa đổi, hoàn thiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động ngân hàng để áp dụng các mô hình kinh doanh mới và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ tiện ích, an toàn đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

c) Tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng, kéo dài đã được Bộ Chính trị cho chủ trương (06 tổ chức tín dụng yếu kém, 08 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả, Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy, Ngân hàng Phát triển Việt Nam...); tiếp tục xây dựng, hoàn thiện phương án xử lý đối với 04 dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả còn lại để trình Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến.

d) Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư xã hội, nguồn vốn FDI chất lượng cao, nhất là FDI vào ngành bán dẫn, đẩy mạnh hơn nữa hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Nghiên cứu, đánh giá tác động của Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu đến thu hút đầu tư vào Việt Nam để có các giải pháp phù hợp.

đ) Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, phấn đấu tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 9%. Tiếp tục theo dõi, phân tích, dự báo thị trường, sự thay đổi trong chính sách thương mại của các nước, đối tác lớn, kịp thời có giải pháp điều hành ứng phó kịp thời. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu; tiếp tục cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hoàn thiện khung khổ pháp lý về thương mại điện tử, giao dịch điện tử và kinh tế số; chú trọng khai thác các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới. Tăng cường công tác thông tin, định hướng doanh nghiệp, chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu sang hình thức chính ngạch, bền vững. Nghiên cứu, có giải pháp phù hợp để khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

e) Công khai, minh bạch trong điều hành giá cả hàng hóa, dịch vụ; tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành chặt chẽ việc điều chỉnh giá các hàng hóa quan trọng, dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá, nhất là giá điện, xăng dầu, hàng hóa, dịch vụ quan trọng, thiết yếu khác; có các giải pháp phù hợp để ổn định giá các nguyên vật liệu quan trọng và các hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống người dân; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ, thao túng, tăng giá bất hợp lý.

2. Tiếp tục tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh

Tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và các dịch bệnh mới phát

sinh, không để dịch chồng dịch. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên thế giới, rà soát, cập nhật, điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, ban hành phương án xử lý có hiệu quả, kịp thời các tình huống, các biện pháp phòng, chống dịch trong tình hình mới; nỗ lực nghiên cứu, tự sản xuất các loại thuốc phòng, chống dịch, giữ vững thành quả phòng, chống dịch COVID-19. Chủ động phương án ứng phó với các tình huống dịch bệnh mới có thể xảy ra. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài về tài chính, chuyên môn kỹ thuật phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh.

3. Tăng cường xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

a) Tiếp tục quán triệt và thể chế hóa kịp thời, chính xác, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng trong Văn kiện Đại hội XIII; các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Kế hoạch số 11/KH-TW ngày 28 tháng 11 năm 2022 thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW. Quán triệt và thực hiện nghiêm văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

Tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm theo đúng chỉ đạo “đầu tư cho xây dựng và hoàn thiện thể chế là đầu tư cho phát triển”. Đổi mới phương thức chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra để bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo Định hướng xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, nhất là các dự án luật có vai trò quan trọng trong việc tạo lập môi trường thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh. Tổ chức tốt việc lấy ý kiến Nhân dân, tập trung tiếp thu, chỉnh lý, bảo đảm chất lượng dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Tiếp tục thực hiện nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, công tác lập đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định, có chất lượng công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thống nhất trong cả nước kỳ 2019 - 2023. Tiếp tục chú trọng và phát huy hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản theo thẩm quyền. Tiếp tục tổ chức triển khai các nhiệm vụ của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật để rà soát, khắc phục các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn.

Đẩy mạnh việc thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành án, nhất là các vụ việc trọng điểm, phức tạp, kéo dài. Nâng cao hiệu quả phòng ngừa và

tăng cường năng lực giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện trong hoạt động đầu tư quốc tế, bảo đảm quyền lợi của Chính phủ, người dân, doanh nghiệp; tích cực xử lý các vướng mắc pháp lý phát sinh trong quá trình hội nhập, đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước, thỏa thuận, cam kết quốc tế...

Chú trọng thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách; tổ chức triển khai có hiệu quả các Chương trình, Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đổi mới, đa dạng hóa hình thức tiếp cận pháp luật cho người dân. Giải quyết kịp thời yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đăng ký biện pháp bảo đảm... Hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống trợ giúp pháp lý; nâng cao vai trò, năng lực, tính chuyên nghiệp và chất lượng hệ thống trợ giúp pháp lý để người dân, doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật; tăng cường công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng, trong hoạt động của chính quyền cơ sở.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở theo quy định pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, phần đầu đạt tỷ lệ trên 85%; thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt tỷ lệ trên 90%. Chú trọng làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở gắn với công tác dân vận, tích cực vận động quần chúng nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hạn chế việc khiếu nại, tố cáo không đúng quy định.

b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Tăng cường quản lý nhà nước, triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật, các kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác phòng, chống tham nhũng.

Nghiên cứu xây dựng Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2030 và kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Xây dựng Cơ sở dữ liệu Quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập. Tăng cường theo dõi, đánh giá, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên phạm vi cả nước và từng bộ, ngành, địa phương; mở rộng hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp, trao đổi thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, rà soát và hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

a) Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; đổi mới công tác đánh giá cán bộ,

công chức, viên chức và các quy định liên quan cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng; quy định các chế độ, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài; trình cấp có thẩm quyền về lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và hoàn thành hệ thống thể chế, chính sách. Triển khai các giải pháp để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; xây dựng cơ chế, chính sách cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, sớm khắc phục tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và tình trạng công chức, viên chức xin nghỉ việc.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế theo tinh thần Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị. Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình giảm biên chế hàng năm để đến năm 2026 đạt chỉ tiêu giảm 5% biên chế công chức và 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022 - 2025; hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong 2 năm 2023, 2024 để ổn định tổ chức đại hội Đảng các cấp vào năm 2025; xây dựng hệ thống thể chế, chính sách mô hình chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt; trình cấp có thẩm quyền thành lập các đơn vị hành chính đô thị; tập trung giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện mô hình chính quyền đô thị, chính quyền cấp xã.

Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ đẩy mạnh cải cách TTHC, hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả thực thi TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án phân cấp các TTHC; tập trung rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước. Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Cổng Dịch vụ công quốc gia và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

Sớm hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo tinh thần năm 2023 là "**Năm Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới**".

b) Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Tiếp tục phấn đấu đạt mục tiêu nâng hạng các chỉ số về môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh đến năm 2025 đã đề ra tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và các mục tiêu năm 2023 tại Phụ lục IV.

Nâng cao chất lượng cải cách danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh. Nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn. Tiếp tục rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh quy định tại các luật chuyên ngành liên quan theo hướng bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, thiếu cụ thể, khó xác định, và không dựa trên cơ sở khoa học; rà soát các loại chứng chỉ hành nghề để thu gọn, tránh trùng lặp, tránh lãng phí chi phí của xã hội. Thực hiện hợp nhất các văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển quy phạm pháp luật để bảo đảm tính minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật.

Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng cắt giảm danh mục hàng hóa nhóm 2; áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro; bổ sung danh mục mặt hàng miễn, giảm kiểm tra chuyên ngành; thay đổi phương pháp quản lý từ kiểm tra từng lô hàng sang kiểm tra theo mặt hàng. Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng miễn kiểm tra chuyên ngành đối với các mặt hàng doanh nghiệp nhập khẩu số lượng nhỏ để sử dụng nội bộ, nhất là các sản phẩm đã chuẩn hóa cao. Nghiên cứu, kiến nghị xây dựng pháp luật và nâng cao năng lực cho việc áp dụng phương thức kiểm tra tại nguồn và kiểm tra tại khâu lưu thông trên thị trường nội địa. Nâng cấp, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, thực chất thủ tục điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp kém hiệu quả; rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra để bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, đúng luật pháp của doanh nghiệp.

Nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, tham gia chuỗi giá trị bền vững, TTTC, ... Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

5. Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính độc lập, tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế

a) Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2023, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm, dự án sử dụng vốn ODA có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về mặt bằng, mỏ vật liệu, nhân công... để thực hiện ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện cho dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội nhằm dẫn dắt, huy động các nguồn lực đầu tư ngoài Nhà nước, tạo các động lực phát triển, cực tăng trưởng mới, đồng thời bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương, vùng, miền. Triển khai quyết liệt giải ngân vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng đối tượng, tránh trục lợi.

b) Khẩn trương thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) giai đoạn 2021 - 2025 theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm công khai, minh bạch. Tập trung tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại doanh nghiệp, dự án, công trình đầu tư và vốn, tài sản nhà nước để có giải pháp cơ cấu lại, xử lý phù hợp. Rà soát phát hiện và có biện pháp xử lý các doanh nghiệp, dự án đầu tư thua lỗ, kém hiệu quả. Có các giải pháp phù hợp để lành mạnh hóa tình hình tài chính, xử lý dứt điểm tồn đọng tài chính, nợ không có khả năng thanh toán và các tài sản không sinh lời trong các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp thành viên. Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo lộ trình, tiêu chí, danh mục phân loại DNNN, bảo đảm Nhà nước nắm giữ tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải nhưng không hiệu quả của DNNN.

Có giải pháp phù hợp huy động hiệu quả nguồn lực của DNNN tham gia tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong một số lĩnh vực như năng lượng, hạ tầng số, nền tảng số, chuyển đổi số, kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia, cung ứng các nguyên, vật liệu đầu vào quan trọng cho sản xuất. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách theo hướng đổi mới quản lý của chủ sở hữu, tạo điều kiện phát triển một số DNNN quy mô lớn, có vai trò mở đường phát triển một số ngành kinh tế chủ lực, dẫn dắt doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Tăng cường kết nối, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp, dự án FDI, nhất là các công ty đa quốc gia.

c) Tiếp tục cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ gắn với đổi mới sáng tạo, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ

Phát triển mạnh sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng các ngành nghề chế biến, chế tạo. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại các ngành công nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi số, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Phân đấu tỷ trọng kinh tế số trong GDP đạt khoảng 15,5%. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh, đưa các dự án công nghiệp lớn có vai trò quan trọng đi vào vận hành nhằm gia tăng năng lực sản xuất; mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định sản xuất, bảo đảm cân đối cung cầu

các hàng hóa cơ bản, thiết yếu như: xăng dầu, điện, than, phân bón... Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, tập trung tổ chức kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia được vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp lớn toàn cầu. Xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển các ngành công nghiệp để có định hướng thu hút đầu tư phát triển trong dài hạn. Phát triển thị trường vật liệu xây dựng ổn định bền vững, tăng tỷ lệ sử dụng vật liệu xây dựng thay thế, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, năng lượng, thân thiện với môi trường. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu năng lượng, giảm thiểu phát thải các-bon hướng tới trung hòa các-bon vào năm 2050.

Tập trung thực hiện hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; từng bước chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Phát triển thị trường tiêu thụ nông, lâm, thủy sản trong nước; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, nghiên cứu, phân tích, dự báo thị trường để đánh giá, đề xuất các đối sách, kịch bản thích ứng với diễn biến cung - cầu trên thế giới, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, đa dạng hóa và phát triển thị trường xuất khẩu. Tăng cường công tác khoa học công nghệ và khuyến nông; nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Thực hiện các chiến lược phát triển ngành hàng theo hướng tích hợp đa giá trị, tăng hàm lượng khoa học công nghệ. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường quản lý, vận hành bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy lợi, các giải pháp phòng, chống thiên tai hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ mới, ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tập trung vào các dịch vụ ưu tiên phát triển như dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ logistics và vận tải, dịch vụ tài chính ngân hàng.

Tiếp tục triển khai quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị, chương trình, đề án của Chính phủ về phát triển du lịch. Cơ cấu lại ngành du lịch theo hướng tăng cường kết nối vùng miền, kết nối với cả nước và kết nối với khu vực, bảo đảm đồng bộ, bền vững và hội nhập quốc tế; chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị; hình thành nên các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo dựa trên nền tảng các giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc, điều kiện tự nhiên đặc trưng; đẩy mạnh xây dựng, phát triển các sản phẩm du lịch mới, hoạt động du lịch ban đêm, góp phần định vị thương hiệu du lịch quốc gia. Tập trung khai thác thị trường khách du lịch truyền thống; tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế; tạo điều kiện cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế mở các đường bay mới và trực tiếp kết nối với các thị trường

du lịch trọng điểm và tiềm năng. Có các giải pháp phù hợp hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch.

d) Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội; phân đấu hoàn thành việc phê duyệt các quy hoạch còn lại trong hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật Quy hoạch trong năm 2023; rà soát để giải quyết các vướng mắc trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở các địa phương. Triển khai quyết liệt, hiệu quả các Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của 06 Vùng kinh tế - xã hội. Nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện thể chế liên kết vùng; nâng cao hiệu quả hoạt động các Hội đồng điều phối Vùng trong việc điều phối và tạo thuận lợi, kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế địa phương và kinh tế vùng trên cơ sở phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, sớm tạo ra các vùng động lực mới, cực tăng trưởng mới. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên

a) Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy nhanh tiến độ một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, nhất là đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2025, Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Vành đai 4 Vùng Thủ đô Hà Nội, cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1, cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1, cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1; các dự án đường sắt đô thị; các dự án đường cao tốc như Dầu Giây - Liên Khương, Chợ Mới - Bắc Kạn, Hòa Liên - Túy Loan, Đắk Nông - Bình Phước, Nam Định - Ninh Bình - Thái Bình - Hải Phòng, Lạng Sơn - Cao Bằng, Hòa Bình - Mộc Châu, Hà Giang - Tuyên Quang; các dự án nổi thông đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn và Rạch Sỏi - Bến Nhất - Gò Quao - Vĩnh Thuận; các tuyến luồng hàng hải vào cảng Cái Mép - Thị Vải, Nam Nghi Sơn; khẩn trương nghiên cứu, nâng cấp mở rộng một số sân bay lưỡng dụng theo phương thức đối tác công tư. Phân đấu hoàn thành trong năm 2023 một số dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia về giao thông như: các dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện đầu tư công (Mai Sơn - Quốc lộ 45, Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, Nghi Sơn - Diễn Châu, Vĩnh Hảo - Phan Thiết, Phan Thiết - Dầu Giây, Cầu Mỹ Thuận 2), cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Luồng sông Hậu giai đoạn 2, tuyến đường thủy Kênh Chợ Gạo giai đoạn 2....

b) Bảo đảm tiến độ đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện trọng điểm; triển khai hiệu quả Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được phê duyệt. Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu, xây dựng và trình phê duyệt các cơ

chế, chính sách phát triển năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo phù hợp với mục tiêu, quy hoạch, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm vận hành hệ thống truyền tải điện an toàn, hiệu quả. Tập trung tháo gỡ khó khăn để đưa các dự án nguồn điện lớn có vai trò quan trọng như Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Nghi Sơn 2, Duyên Hải 2, Vân Phong 1... đi vào vận hành, bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định từ năm 2023.

c) Triệt để xử lý các dự án “treo”, dự án chậm tiến độ; bảo đảm lợi ích của người dân trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, không để xảy ra khiếu kiện, phát sinh thành điểm nóng về an ninh, trật tự.

d) Xây dựng và phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn - an ninh thông tin, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Phát triển hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã.

đ) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung pháp lý về hạ tầng thương mại điện tử; cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế quản lý tài sản ảo, tiền điện tử, tiền ảo. Hướng dẫn triển khai Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong giai đoạn 2021 - 2025.

e) Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát, đánh giá điều chỉnh nhiệm vụ công trình thủy lợi, tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công trình; trọng tâm là thủy lợi nội đồng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Kiểm tra, rà soát, đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai của công trình kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đê điều, hồ đập, khu neo đậu tránh trú bão.

g) Triển khai Nghị quyết số 39/2021/QH15 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai kết nối với hệ thống thông tin đất đai quốc gia thống nhất, tập trung. Rà soát, xử lý hiệu quả các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng; đề xuất các giải pháp xử lý các vướng mắc của các dự án sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để đưa các nguồn lực vào phát triển.

Khảo sát đánh giá tài nguyên biển ở một số khu vực trọng điểm, tạo lập hành lang pháp lý thuận lợi thu hút các nguồn vốn, công nghệ, để khai thác tiềm năng điện gió ngoài khơi, hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo, phát triển các ngành kinh tế biển. Tiếp tục điều tra địa chất, không gian ngầm đô thị; đánh giá các loại khoáng sản chiến lược, vật liệu cho công nghiệp năng lượng, công nghiệp bán dẫn; nghiên cứu quy hoạch, xây dựng không gian ngầm. Triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, hợp tác chia sẻ hài hòa nguồn nước xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng.

Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; kiểm soát, giám sát chặt chẽ nguồn thải, xử lý các cơ sở ô nhiễm nghiêm trọng; đẩy

mạnh việc phân loại rác tại nguồn, thiết lập mạng lưới các cơ sở xử chất thải rắn tập trung theo hướng liên vùng, liên tỉnh. Đa dạng hóa, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng môi trường, xử lý, tái chế chất thải, nước thải với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế dựa vào hệ sinh thái, kinh tế tuần hoàn. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thu gom xử nước thải, bảo vệ môi trường phục hồi các dòng sông. Kiểm soát ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị; giải quyết tình trạng ngập úng tại các đô thị, nhất là đô thị lớn.

Quyết liệt triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; tập trung hoàn thiện các cơ chế chính sách thu hút nguồn lực đầu tư, sẵn sàng đón dòng vốn hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong Quan hệ đối tác về chuyển đổi năng lượng công bằng với G7 và các đối tác quốc tế vào lĩnh vực năng lượng sạch, tái tạo, chuyển đổi xanh; tăng cường truyền thông, phổ biến các quy định của quốc tế trong việc áp dụng các tiêu chuẩn phát thải, đặc biệt là Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon đối với hàng hóa vào thị trường EU. Thực hiện các giải pháp bảo đảm nước sinh hoạt cho người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long và khu vực Nam Trung Bộ trong bối cảnh hạn hán, xâm nhập mặn. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai, hạn hán, lũ lụt, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản cho Nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện, hiện đại hóa đồng bộ hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm các nguy cơ thiên tai, trượt lở đất đá, lũ quét, sạt lở, biển xâm thực.

7. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 51-KL/TW; thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến 2045; thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực chủ yếu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả và chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng biên soạn, thẩm định sách giáo khoa, tài liệu giáo dục. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; giải quyết hiệu quả, cơ bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Hoàn thiện hành lang pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho triển khai tự chủ đại học hiệu quả, đi vào thực chất; tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật về giáo dục đại học. Đẩy mạnh thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

b) Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng

suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

c) Tiếp tục phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; nghiên cứu, thí điểm phát triển loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học theo mô hình doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off). Đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh; tiếp tục hoàn thiện cơ chế trọng dụng các nhà khoa học, nhất là các nhà khoa học tài năng. Đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh; tăng cường liên kết các mạng lưới đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước. Tích cực triển khai các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030, trong đó chú trọng xác định công nghệ trọng điểm cần ưu tiên phát triển. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng nghiên cứu khoa học, tăng cường năng lực nghiên cứu công nghệ. Đẩy mạnh xây dựng, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, xã hội số thiết thực, hiệu quả, trọng tâm, trọng điểm.

8. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

a) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị. Không ngừng phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Quan tâm hơn việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản, văn hoá dân tộc, các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các vùng, miền; ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa. Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị thuần phong, mỹ tục, nhất là trên không gian mạng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, thực hiện tốt công tác kiểm kê, xếp hạng, ghi danh, quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, di tích. Triển khai Chương trình quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2022 - 2030, Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, có chính sách xã hội hóa hợp lý, thu hút đầu tư cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa; xây dựng môi trường văn hóa số, thị trường văn hóa lành mạnh; phát triển công nghiệp văn hóa. Thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao; chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất sẵn sàng tham dự các đại hội thể thao quốc tế.

b) Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế; tập trung xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong đấu thầu, mua sắm, quản lý, cấp phép, gia hạn, bảo đảm thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế; đẩy mạnh sản xuất trang thiết bị y tế trong nước. Nâng cao năng lực hệ thống, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng; nâng cao năng lực điều trị của tất cả các tuyến. Đẩy mạnh quản lý sức khỏe toàn dân; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người lao động; tiếp tục mở

rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển y dược cổ truyền. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính y tế, giá dịch vụ y tế để từng bước thực hiện tính đủ các yếu tố chi phí vào giá dịch vụ y tế theo lộ trình; đổi mới phương thức chi trả để nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ bảo hiểm y tế; quan tâm thúc đẩy phát triển các bệnh viện, cơ sở y tế khu vực ngoài nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách đãi ngộ, cải thiện môi trường làm việc, bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát tốc độ tăng mất cân bằng giới tính khi sinh, chú trọng giải quyết đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc. Thúc đẩy triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số y tế trên phạm vi cả nước.

c) Ổn định và phát triển thị trường lao động bảo đảm hiện đại, linh hoạt, bền vững và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, kịp thời ứng phó với các thách thức của kinh tế trong và ngoài nước; tăng cường kết nối và điều tiết cung - cầu lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ổn định, phát triển thị trường lao động ngoài nước; thúc đẩy đàm phán, ký kết các thỏa thuận, Bản ghi nhớ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài với Đức, Hungari, Israel...; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Tổ chức triển khai hiệu quả Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp (giai đoạn 2021 - 2030) khi được phê duyệt. Tập trung thực hiện các chương trình phát triển nhà ở tại Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghiên cứu, phân tích và đánh giá hiện tượng một bộ phận lao động chưa quay lại thị trường lao động sau dịch COVID-19 để có giải pháp phù hợp.

d) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Đẩy mạnh thực hiện chi trả các chế độ an sinh xã hội (bao gồm lương hưu, các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công...) qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng; thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ.

đ) Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Đẩy nhanh việc triển khai hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm; nghiên cứu chính sách động viên, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Tập trung triển khai hiệu quả

các đề án, chương trình, chiến lược, quy định về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có giải pháp nâng cao trình độ dân trí, giải quyết việc làm và tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát, xây dựng, hoàn thiện, hướng dẫn các chính sách dân tộc và phối hợp công tác xây dựng thể chế liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường công tác tuyên truyền, cải cách hành chính, tháo gỡ thực chất các khó khăn, vướng mắc đối với công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Tiếp tục hoàn thiện, phát triển hệ thống an sinh xã hội bao trùm, toàn diện, đa dạng và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế và người dân tộc thiểu số.

e) Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, bảo đảm trẻ em được phát triển toàn diện. Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chủ động giải quyết các vấn đề về trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; kiểm soát và giảm số vụ trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước, tai nạn giao thông.

g) Chú trọng chăm lo và phát huy vai trò người cao tuổi; tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030. Rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ, chính sách đối với người cao tuổi và hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện cụ thể việc tham gia bảo hiểm y tế đối với người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

h) Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về bình đẳng giới. Triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021- 2030; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030, Chương trình “Tăng cường sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo và quản lý ở các cấp hoạch định chính sách giai đoạn 2021 - 2030”. Tăng cường năng lực bộ máy quản lý nhà nước về bình đẳng giới các cấp.

i) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trong dịp Lễ, Tết và giáp hạt. Hỗ trợ kịp thời về lương thực, nhà ở, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; không để sót đối tượng, địa bàn cần hỗ trợ.

9. Giữ vững độc lập, chủ quyền thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

a) Nâng cao năng lực nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước về quân sự, quốc phòng. Cùng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Nắm chắc, đánh giá kịp thời, chính xác tình hình, tuyệt đối không chủ quan, không để bị động, bất ngờ, đặc biệt là trên hướng Biển Đông, tuyến biên giới và

vùng biển Tây Nam, những khu vực trọng yếu, địa bàn chiến lược trọng điểm. Tiếp tục triển khai hiệu quả các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh trong năm 2023.

Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Tập trung xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Chủ động xây dựng phương án, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên luyện tập và tổ chức lực lượng ứng trực, đấu tranh trên thực địa phù hợp với các tình huống. Các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác quốc phòng, phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực, thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn, từng vùng và cả nước.

Chủ động ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, phương án phòng thủ dân sự, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, sự cố môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc phòng song phương, đa phương; tăng cường hợp tác với các nước láng giềng, nước lớn, đối tác chiến lược, các nước ASEAN và bạn bè truyền thống.

b) Chủ động nắm, phân tích, dự báo sát tình hình thế giới và khu vực, nhất là sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn... Kịp thời tham mưu, ban hành các chủ trương, đối sách phù hợp nhằm giữ vững chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của đất nước.

Tập trung phát hiện, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động khủng bố, phá hoại, kích động biểu tình gây rối an ninh, trật tự của các thế lực thù địch, phản động, số đối tượng chống đối. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế. Giải quyết có hiệu quả các vụ tranh chấp, khiếu kiện, đình công, lãn công, nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai, tôn giáo, dân tộc, không để kẻ địch lợi dụng chống phá, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Bảo đảm an ninh, trật tự các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

Triển khai các giải pháp kiềm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội. Tập trung đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, đây nhanh tiến độ điều tra các vụ án, vụ việc do Ban Chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo. Tiếp tục triển khai đấu tranh có hiệu quả với số đối tượng trọng điểm về hình sự, ma túy. Tập trung tấn công trấn áp mạnh, quyết liệt với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm đánh bạc; hoạt động phạm tội của các băng nhóm lưu động, băng nhóm “tín dụng đen” đòi nợ, siết nợ, bảo kê, “tội phạm đường phố”, tội phạm mua bán người; các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, các tụ điểm phức tạp về ma túy; đặc biệt là các hành vi lợi dụng dịch bệnh, thiên tai, bão, lũ để trục lợi. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý người nước ngoài, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiểm chế sự gia tăng tai nạn giao thông và cháy nổ, làm giảm số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng và các vụ cháy, nổ lớn. Khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông trên các trục giao thông chính, các đầu mối giao thông trọng điểm, các đô thị lớn. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2030 thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

10. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế

a) Quán triệt, triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi, nguồn lực bên ngoài để tích lũy nội lực và nâng cao vị thế cho đất nước. Triển khai hiệu quả chương trình đối ngoại cấp cao năm 2023. Tiếp tục đưa quan hệ với các nước láng giềng, nước lớn, đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, bạn bè truyền thống và các đối tác quan trọng khác đi vào chiều sâu, thực chất, gia tăng tin cậy chính trị và đan xen lợi ích. Đẩy mạnh, nâng tầm đối ngoại đa phương và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả gắn với củng cố, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Triển khai hiệu quả Kế hoạch Việt Nam đăng cai các hội nghị đa phương cấp cao đến năm 2030; củng cố đoàn kết và vai trò trung tâm ASEAN; đảm nhiệm tốt vị trí Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa 77, thành viên Hội đồng nhân quyền Liên hợp quốc, vai trò đồng Chủ tịch Chương trình Đông Nam Á của OECD; tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và các đối tác vì sự phát triển bền vững của tiểu vùng sông Mê Công. Tiếp tục theo dõi sát tình hình trên biển và triển khai đồng bộ các biện pháp cả trên thực địa và ngoại giao; đóng góp tích cực, chủ động cùng ASEAN vào đàm phán xây dựng COC hiệu lực, thực chất, phù hợp với luật pháp quốc tế, bao gồm UNCLOS 1982. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới trên bộ theo các văn kiện pháp lý đã được ký kết, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

b) Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước theo tinh thần Chỉ thị 15-CT/TW ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ban Bí thư. Tăng cường theo dõi tình hình kinh tế trong nước và thế giới để kịp thời kiến nghị các hoạt động đối ngoại cấp cao và các cấp phù hợp, cần thiết nhằm thúc đẩy kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Tiếp tục triển khai hiệu quả các FTA đã ký kết, tham gia hiệu quả, có chọn lọc các liên kết kinh tế quốc tế. Đôn đốc triển khai các thỏa thuận, cam kết với các đối tác; thúc đẩy tháo gỡ vướng mắc trong quan hệ kinh tế với các nước. Kết hợp chặt chẽ giữa ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại. Thúc đẩy giao lưu nhân dân, hợp tác văn hóa. Tiếp tục đổi mới, triển khai hiệu quả công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân. Tăng cường hiệu quả phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Quốc hội và đối ngoại nhân dân; đẩy mạnh xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại.

11. Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách từ trung ương tới địa phương; thông tin, truyền truyền nâng cao hiệu quả và sự đồng thuận của người dân, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước. Tuyên truyền và dẫn dắt, định hướng các mô hình hay, gương người tốt việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp và thị trường; kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái; triệt phá, gỡ bỏ các thông tin xấu độc, không đúng sự thật; từng bước tạo văn hoá số trên mạng.

Tăng cường và đổi mới công tác quản lý báo chí; xây dựng đội ngũ nhân lực báo chí chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại, có giải pháp hỗ trợ báo chí phát triển; kịp thời chấn chỉnh sai phạm trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, đoàn thể Nhân dân, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được, nỗ lực khắc phục những hạn chế, bất cập trên các lĩnh vực; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận số 42-KL/TW ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII, Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 20 tháng 01 năm 2023, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể của bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ (bao gồm nhiệm vụ chủ trì và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện), tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2023.

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động theo dõi sát diễn biến trong nước, quốc tế, nâng cao năng lực, tăng cường phân tích, đánh giá, dự báo để có giải pháp kịp thời, tổng thể, đồng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống của người dân; tăng cường chuyển đổi số, thực hiện công tác thống kê, báo cáo kịp thời, chính xác; định kỳ hằng quý cập nhật kịch bản phát triển

ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cập nhật kịch bản tăng trưởng chung của cả nước tại Phụ lục II.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại các Phụ lục I, Phụ lục III, Phụ lục IV và các nhiệm vụ tại Phụ lục V, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

đ) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2024, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 11 năm 2023 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2023.

2. Các bộ, cơ quan tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và cơ quan liên quan đơn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này để tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD Công TTĐT,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Phạm Minh Chính



Phụ lục I

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	Khoảng 6,5	Bộ KHĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	Khoảng 4.400	Bộ KHĐT
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	Khoảng 25,4 - 25,8	Bộ KHĐT
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5	Bộ KHĐT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	Khoảng 5,0 - 6,0	Bộ KHĐT
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	26,2	Bộ KHĐT
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 68	Bộ LĐTBXH
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	Khoảng 27,5	
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	< 4	Bộ LĐTBXH
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %	1 - 1,5	Bộ LĐTBXH
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	93,2	Bộ Y tế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	12	Bộ Y tế
12	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	32	Bộ Y tế
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	78	Bộ NNPTNT
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	95	Bộ TNMT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	92	Bộ KHĐT



Phụ lục II

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) NĂM 2023 THEO GIÁ SO SÁNH 2010

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ)

Đơn vị: %

TT	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2023						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	105,6	106,7	106,2	106,5	106,3	107,1	106,5
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	102,7	103,0	102,9	102,9	102,9	103,3	103,0
2	Công nghiệp và xây dựng	105,3	107,9	106,7	108,0	107,1	108,9	107,6
<i>a)</i>	<i>Công nghiệp</i>	105,5	108,0	106,8	108,2	107,3	108,8	107,7
-	Khai khoáng	102,7	102,9	102,8	103,2	102,9	103,5	103,1
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	105,7	108,7	107,3	108,9	107,8	109,4	108,3
-	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	106,5	107,7	107,1	107,7	107,3	108,5	107,6
-	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	106,2	106,6	106,4	106,2	106,3	106,8	106,4
<i>b)</i>	<i>Xây dựng</i>	104,2	107,5	106,1	107,1	106,5	109,1	107,3
3	Dịch vụ	106,7	106,6	106,7	106,3	106,5	106,7	106,6
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	107,5	107,3	107,4	106,2	107,0	107,7	107,2
-	Vận tải, kho bãi	107,6	107,5	107,5	107,0	107,3	107,4	107,4
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	108,5	108,7	108,6	107,6	108,2	108,3	108,2
-	Thông tin và truyền thông	106,2	106,2	106,2	105,7	106,0	105,7	105,9
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	107,6	107,7	107,6	107,5	107,6	107,5	107,6
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	105,1	106,2	105,7	106,1	105,8	106,6	106,0



Phụ lục III

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô			
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3	NHNNVN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 5	NHNNVN
3	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tinh giản biên chế)	%	63	Bộ TC
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển	%	35	Bộ TC
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%	Khoảng 34	Bộ KHĐT
6	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	6	Bộ CT
II	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	8-9	Bộ CT
8	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	8-9	Bộ CT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
9	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	≥ 50	Bộ KHCN
10	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng	Trong nhóm 04 quốc gia dẫn đầu ASEAN	Bộ KHCN
11	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20 - 25	Bộ CT
12	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	58 - 60	Bộ CT
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công			
13	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn (không bao gồm điện năng lượng tái tạo)	%	18,8 - 20,1	Bộ CT
14	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ kWh	289,9 - 294,3	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	8,0 - 9,7	
15	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	83.156	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	4,4	
16	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	76	Bộ TTTT
17	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao	90	Bộ TTTT
18	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân	Thuê bao	25	Bộ TTTT
19	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	%	87	Bộ TTTT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
20	Dung lượng băng thông Internet quốc tế	Gbps	17.000	Bộ TTTT
21	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	%	99,9	Bộ TTTT
22	Lưu lượng Internet băng rộng			Bộ TTTT
	<i>Lưu lượng Internet băng rộng di động</i>	GB/TB/Tháng	13	
	<i>Lưu lượng Internet băng rộng cố định</i>	GB/TB/Tháng	353	
23	Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Chứng thư	1.990.000	Bộ TTTT
24	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	57	Bộ TTTT
25	Tỷ lệ người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo được tiếp cận ít nhất 1 loại hình báo chí thiết yếu	%	80	Bộ TTTT
26	Số lượng tài khoản người dùng Việt Nam đăng ký sử dụng mạng xã hội Việt Nam	Triệu tài khoản	130	Bộ TTTT
27	Thị phần dịch vụ điện toán đám mây của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường nội địa	%	30	Bộ TTTT
28	Số doanh nghiệp công nghệ số đăng ký thành lập và hoạt động	Doanh nghiệp	75.000	Bộ TTTT
29	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sàn/người	26	Bộ XD
30	Tỷ lệ đô thị hóa cả nước tính theo khu vực nội thành/nội thị	%	42,6	Bộ XD
31	Tỷ lệ đô thị hóa cả nước tính theo khu vực toàn đô thị	%	53,9	Bộ XD

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
32	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	96	Bộ XD
33	Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch	%	16	Bộ XD
34	Tỷ lệ thu gom xử lý nước thải	%	17	Bộ XD
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, nghệ thuật, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường			
35	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	29	Bộ GDĐT
36	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	92,5	Bộ GDĐT
37	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Tỉnh	29	Bộ GDĐT
38	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Tỉnh	34	Bộ GDĐT
39	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Tỉnh	38	Bộ GDĐT
40	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Tỉnh	18	Bộ GDĐT
41	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Tỉnh	7	Bộ GDĐT
42	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,7	Bộ GDĐT
43	Tỷ lệ số tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2)	%	74,6	Bộ GDĐT
44	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	33	Bộ GDĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
45	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân	SV/vạn dân	200	Bộ GDĐT
46	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	Khoảng 110 - 120	Bộ LĐTBXH
47	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	Khoảng 39 - 40	Bộ LĐTBXH
48	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	Khoảng 31,5 - 32	Bộ LĐTBXH
49	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 90	Bộ LĐTBXH
50	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 90	Bộ LĐTBXH
51	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới	%	80	Bộ NNPTNT
52	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%	57	Bộ NNPTNT
53	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	Trên 80	Bộ Y tế
54	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8	Bộ Y tế
55	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	Trên 80	Bộ Y tế
56	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,2	Bộ Y tế

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
57	Số dược sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,06	Bộ Y tế
58	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	13	Bộ Y tế
59	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	Dưới 13,1	Bộ Y tế
60	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	Dưới 19,5	Bộ Y tế
61	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	Dưới 18,6	Bộ Y tế
62	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	90	Bộ TNMT
63	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội	%	Trên 90	Bộ TTTT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử			
64	Số lượng thu nhận hồ sơ tài khoản định danh điện tử cấp cho người dân.	Số hồ sơ	40 triệu	Bộ CA
65	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	20	Bộ TTTT
66	Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ bình quân cả nước (Par-Index)	%	86,4	Bộ NV

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
67	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bình quân cả nước (Par-Index)	%	86,7	Bộ NV
68	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%	87,7	Bộ NV
69	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	40	VPCP
70	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	30	VPCP
71	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	60	VPCP
72	Tỷ lệ cung cấp thanh toán trực tuyến đối với các khoản thuế nội địa của doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	VPCP
73	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí, học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	50	VPCP
74	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	VPCP
75	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật) trên môi trường mạng			VPCP
	<i>Đối với các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i>	%	100	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	95	
	<i>Đối với UBND cấp xã.</i>	%	80	
76	Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa quy định; chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.	%	10	VPCP
77	Tỷ lệ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được tham vấn, lấy ý kiến trên Cổng tham vấn và tra cứu quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.	%	100	VPCP



Phụ lục IV

**MỘT SỐ MỤC TIÊU CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH,
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu phấn đấu	Cơ quan đầu mối theo dõi
1	Quyền tài sản (IPRI) của Liên minh quyền tài sản	Tăng 2 bậc	Bộ TNMT
	<i>Quyền tài sản vật chất (D2)</i>	<i>Cải thiện điểm số</i>	<i>Bộ TNMT</i>
	<i>Quyền sở hữu trí tuệ (D3)</i>	<i>Tăng 2-3 bậc</i>	<i>Bộ KH-CN</i>
2	Việc làm trong các ngành thâm dụng tri thức	Tăng ít nhất 2 bậc	Bộ LĐTBXH



Phụ lục V

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHỖ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I.	Nhóm nhiệm vụ về ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế		
1	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	2023	Bộ KHĐT
II.	Nhóm nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tiếp tục cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh		
2	Dự án Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi	Tháng 5	NHNN
3	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền	Tháng 1	NHNN
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần tổ chức tín dụng Việt Nam	Tháng 6	NHNN
5	Quyết định quy định mức giá trị giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo	Tháng 1	NHNN
6	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam	Quý IV	Bộ NNPTNT
7	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 06/2019/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Nghị định 84/2021/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 06/2019/NĐ-CP	Quý IV	Bộ NNPTNT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
8	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	Tháng 6	Bộ TC
9	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Tháng 6	Bộ TC
10	Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý	Tháng 6	Bộ TC
11	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	Tháng 6	Bộ TC
12	Nghị định thay thế Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007; Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 của Chính phủ về kinh doanh xổ số	Tháng 6	Bộ TC
13	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	Tháng 9	Bộ TC
14	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	Tháng 9	Bộ TC
15	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	Tháng 9	Bộ TC
16	Nghị định sửa đổi Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ	Tháng 10	Bộ TC

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
17	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia	Tháng 12	Bộ TC
18	Nghị định quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Tháng 12	Bộ TC
19	Nghị định về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – SCIC (thay thế Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của SCIC)	Tháng 12	Bộ TC
20	Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28/8/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; Nghị định số 48/2018/NĐ-CP và Nghị định số 80/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 98/2013/NĐ-CP	Tháng 12	Bộ TC
21	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 166/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài	Tháng 12	Bộ TC
22	Nghị định sửa đổi Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 về kinh doanh casino	Tháng 12	Bộ TC
23	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	Tháng 6	Bộ TC
24	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản	Tháng 1	Bộ TP

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
25	Đề án ban hành Chương trình hành động quốc gia hoàn thiện chính sách và pháp luật nhằm thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam	Tháng 6	Bộ TP
26	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	Tháng 6	Bộ TP
27	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh	Tháng 8	Bộ TP
28	Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật	Tháng 8	Bộ TP
29	Dự án Luật Công chứng (sửa đổi)	Tháng 11	Bộ TP
30	Dự án Luật Thủ đô (Dự thảo Luật Thủ đô sửa đổi)	Tháng 7	Bộ TP
31	Dự án Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi)	Tháng 10	Bộ Y tế
32	Dự án Luật Hợp tác xã sửa đổi (Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác)	Năm 2023	Bộ KHĐT
33	Dự án Luật Đấu thầu sửa đổi	Tháng 5	Bộ KHĐT
34	Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu sửa đổi	Tháng 12	Bộ KHĐT
35	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ	Tháng 3	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
36	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Tây Nguyên	Tháng 3	Bộ KHĐT
37	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải trung Bộ	Tháng 3	Bộ KHĐT
38	Báo cáo hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng Sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025	Tháng 12	Bộ KHĐT
39	Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi phía Bắc	Tháng 6	Bộ KHĐT
40	Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/NQ-CP của Chính phủ ngày 02/3/2022 về phát triển kinh tế khu vực biên giới đất liền	Tháng 1	Bộ KHĐT
41	Quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng Sông Hồng	Tháng 3	Bộ KHĐT
42	Quyết định kiện toàn bộ máy, cơ cấu tổ chức của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô và xây dựng kế hoạch hoạt động	Tháng 2	Bộ KHĐT
43	Báo cáo Sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng	Tháng 9	Bộ KHĐT
44	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn, bảo đảm quy định chi tiết các nội dung đã được giao tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15.	Tháng 3	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
45	Nghị định về tổ chức và hoạt động Thanh tra ngành Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV	Bộ KHĐT
46	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra	Tháng 5	TTCP
47	Nghị định quy định về cơ quan thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành	Tháng 5	TTCP
48	Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi)	Tháng 1	Bộ TTTT
49	Dự án Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi)	Tháng 7	Bộ TTTT
50	Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí năm 2016	Tháng 12	Bộ TTTT
51	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tàn số vô tuyến điện	Tháng 6	Bộ TTTT
52	Đề nghị xây dựng Nghị định quy định về hoạt động thông tin cơ sở và truyền thông cấp huyện	Quý I	Bộ TTTT
53	Nghị định quy định chi tiết Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi).	Tháng 12	Bộ TTTT
54	Nghị định thay thế Nghị định 18/2014/NĐ-CP ngày 13/4/2014 quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	Tháng 12	Bộ TTTT
55	Quyết định về sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông	Tháng 6	Bộ TTTT
56	Luật Đất đai (sửa đổi)	Tháng 3	Bộ TNMT
57	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	Tháng 1	Bộ TNMT
58	Luật Địa chất và Khoáng sản	Tháng 10	Bộ TNMT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
59	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Khoáng sản	Tháng 6	Bộ TNMT
60	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn.	Tháng 11	Bộ TNMT
61	Nghị định về hộ kinh doanh	Quý IV	Bộ KHĐT
62	Dự án Luật Lưu trữ sửa đổi	Tháng 7	Bộ NV
63	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022	Tháng 7	Bộ NV
64	Nghị định quy định chi tiết việc khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và trình tự, thủ tục xét tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”	Tháng 7	Bộ NV
65	Nghị định về khuyến khích cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung	Tháng 4	Bộ NV
66	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 (sửa đổi, bổ sung quy định về cấp phó)	Tháng 3	Bộ NV
67	Nghị định thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về chính sách tinh giản biên chế	Tháng 7	Bộ NV
68	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức	Tháng 9	Bộ NV

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
69	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	Tháng 9	Bộ NV
70	Nghị định thay thế Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố 0	Tháng 4	Bộ NV
71	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở	Tháng 7	Bộ NV
72	Nghị định ban hành Bộ quy tắc đạo đức công vụ	Tháng 6	Bộ NV
73	Nghị định quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang	Tháng 3	Bộ NV
74	Nghị định thay thế Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội	Tháng 6	Bộ NV
75	Đề án Chiến lược Quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 6	Bộ NV
76	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2022 – 2030	Tháng 2	Bộ NV
77	Đề án Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Quý IV	Bộ NV
78	Chiến lược quốc gia về cải cách hành chính của Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Quý IV	Bộ NV

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
79	Rà soát Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các Luật có liên quan, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Tháng 11	Bộ NV
80	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng	Tháng 9	Bộ XD
81	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2013/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Xây dựng	Tháng 11	Bộ XD
82	Dự án Luật Nhà ở (sửa đổi)	Quý I	Bộ XD
83	Dự án Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)	Quý I	Bộ XD
84	Đề nghị xây dựng Luật Quản lý phát triển đô thị	Quý IV	Bộ XD
85	Đề nghị xây dựng Luật Cấp, thoát nước	Quý IV	Bộ XD
86	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ để đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023	2023	Bộ KH-CN
87	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật để đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023	2023	Bộ KH-CN
88	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa để đưa vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2023	2023	Bộ KH-CN
89	Quyết định phê duyệt danh mục sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030	2023	Bộ KH-CN
90	Quyết định quy định về cấp Giấy chứng nhận Chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao	2023	Bộ KH-CN

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
91	Quyết định quy định về xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên	2023	Bộ KHCN
92	Quyết định quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục giám định chất lượng, giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ	2023	Bộ KHCN
93	Nghị định bãi bỏ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 Quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện	2023	Bộ CT
94	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 về kinh doanh khí	2023	Bộ CT
95	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia	Quý I	Bộ CT
96	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (sửa đổi)	Tháng 12	Bộ CT
97	Nghị định quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Tháng 6	Bộ VH-TT-DL
III.	Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế		
98	Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (Blockchain)	Tháng 9	Bộ TTTT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
99	Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2035	Tháng 12	Bộ TTTT
100	Phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030	Tháng 9	Bộ TTTT
101	Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện kinh tế tuần hoàn	Tháng 11	Bộ TNMT
102	Chiến lược về sản xuất năng lượng hydrogen	2023-2024	Bộ CT
103	Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	2023-2024	Bộ CT
104	Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045	2023-2024	Bộ CT
105	Chiến lược ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý III-2024	Bộ CT
106	Chiến lược ngành ô tô giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	2023-2024	Bộ CT
107	Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Bộ KHĐT
108	Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Bộ KHĐT
109	Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Bộ KHĐT
110	Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Bộ KHĐT
111	Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 6	Bộ KHĐT
112	Đề án hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Tháng 12	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
IV.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên		
113	Quyết định phê duyệt Đề án thay thế 02 vệ tinh viễn thông VINASAT-1, VINASAT-2	Tháng 12	Bộ TTTT
114	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát	Tháng 10	Bộ TNMT
115	Quyết định ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11	Bộ TNMT
116	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11	Bộ TNMT
117	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hương thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 10	Bộ TNMT
118	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Mã thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9	Bộ TNMT
119	Đề án thống nhất quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và nông thôn, xây dựng cơ chế quản lý cấp nước liên vùng	2023	Bộ XD
120	Định hướng phát triển không gian xây dựng ngầm đô thị	2023	Bộ XD
121	Đề án tổ chức Phiên họp lần thứ 8 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Hà Lan về thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nước	Tháng 5	Bộ TNMT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
V.	Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp		
122	Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quý II	Bộ GDĐT
123	Nghị định thay thế Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 và Nghị định số 135/2018/NĐ ngày 04/10/2018 về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	Quý II	Bộ GDĐT
124	Nghị định quy định chính sách cho học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có học sinh hưởng chính sách	Quý IV	Bộ GDĐT
125	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học	Quý II	Bộ GDĐT
126	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục	Quý IV	Bộ GDĐT
127	Nghị định quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú	Quý IV	Bộ GDĐT
128	Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Quý I	Bộ GDĐT
129	Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0	Quý IV	Bộ GDĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
130	Đào tạo, chuyển đổi nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2022 - 2030	Quý IV	Bộ NNPTNT
131	Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030	2023	Bộ KH-CN
132	Đề án hình thành trung tâm dữ liệu vùng Đông Nam Bộ để phục vụ phát triển các trung tâm tài chính, đáp ứng nhu cầu của khu vực và quốc tế	2023	Bộ TTTT
VI.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội		
133	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc	Tháng 11	UBDT
134	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Tháng 9	UBDT
VII.	Nhóm nhiệm vụ về bảo đảm quốc phòng, an ninh		
135	Dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự	Tháng 1	Bộ QP
136	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự	Tháng 9	Bộ QP
VIII.	Nhóm nhiệm vụ về đối ngoại và hội nhập quốc tế		
137	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 quy định hoạt động thông tin báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	Năm 2023	Bộ NG

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
138	Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ đất nước trong tình hình mới”	Quý II	Bộ NG
139	Vận động ứng cử của Việt Nam vào Ủy ban Di sản Thế giới UNESCO nhiệm kỳ 2023-2027	Năm 2023	Bộ NG
140	Thực hiện vai trò thành viên UBLCP Công ước bảo vệ và phát huy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa UNESCO nhiệm kỳ 2021-2025	Quý I	Bộ NG
141	Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu người Việt Nam ở nước ngoài	Quý IV	Bộ NG
IX.	Nhóm nhiệm vụ về thông tin, truyền thông tạo đồng thuận xã hội		
142	Xây dựng nền tảng Phát thanh số quốc gia	Tháng 6	ĐTNVN